

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Danh mục các nguồn nước phải lập
hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng (Tờ trình số 1495/TTr-STNMT ngày 02/7/2020).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức công bố Danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; đồng thời, chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai xây dựng kế hoạch, phương án cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Hiếu



DANH MỤC CÁC NGUỒN NƯỚC PHẢI LẬP HÀNH LANG BẢO VỆ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2031/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

STT	Mã đoạn	STT sông	Tên sông, kênh, rạch	Tên khác	Điểm đầu	Điểm cuối	Bờ	Đoạn cấm mốc	Theo hệ tọa độ VN2000 (kinh tuyến trục 105° 30', múi 3°)				Chiều dài cấm mốc (km)	Chức năng	Phạm vi	Địa giới hành chính	Thứ tự ưu tiên cấm mốc	Mục đích sử dụng nguồn nước	Ghi chú
									Điểm đầu		Điểm cuối								
									X1	Y1	X2	Y2							
A Ao, hồ																			
1	ST00	1	Hồ Nước Ngọt											a, b, d	20 m	Phường 6, thành phố Sóc Trăng		<ul style="list-style-type: none"> Hồ gắn liền với danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử - văn hóa truyền thống của địa phương. Tạo không gian cho các hoạt động văn hóa, thể thao, vui chơi, giải trí, bảo tồn và phát triển các giá trị về lịch sử, văn hóa, du lịch, tín ngưỡng liên quan đến nguồn nước. 	
B Sông, đoạn sông, suối, kênh, rạch																			
I Thành phố Sóc Trăng																			
1	ST01	1	Sông Saintard	Sông Đĩnh	Sông Hậu	Phải	1	1058562	554488	1062212	557362	4,7	a, b	20 m	Phường 4	1	<ul style="list-style-type: none"> Sông liên huyện Long Phú và thành phố Sóc Trăng; là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung, cụm công nghiệp. Có chức năng cấp, thoát nước nhằm bảo đảm vệ sinh môi trường, cải tạo, phục hồi các nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt tại đô thị, khu dân cư tập trung. 	Khu đông dân cư, quy hoạch cụm công nghiệp và Khu dịch vụ cảng sông thành phố Sóc Trăng	
						Trái	1	1059140	554858	1065117	559160	7,4	a, b	20 m	Phường 4, Phường 8, Phường 9	1	<ul style="list-style-type: none"> Sông liên huyện Long Phú và thành phố Sóc Trăng; là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung, cụm công nghiệp. Có chức năng cấp, thoát nước nhằm bảo đảm vệ sinh môi trường, cải tạo, phục hồi các nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt tại đô thị, khu dân cư tập trung. 		
2	ST02	2	Sông Maspero	Kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng	Sông Saintard	Phải	1	1064948	549419	1062221	557246	9,3	a, b	20 m	Phường 1, Phường 2, Phường 4, Phường 7	1	<ul style="list-style-type: none"> Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung. Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xây ra sạt lở. 	<ul style="list-style-type: none"> Tập trung dân cư, sạt lở tại khóm 5, phường 4. Có đê sông 	
						Trái	1	1064987	549444	1062307	557293	9,3	a, b	20 m	Phường 6, Phường 7, Phường 8	1	<ul style="list-style-type: none"> Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung. Thoát nước thải công nghiệp. 		
3	ST03	3	Kênh Xáng Xá Lan	Kênh Tam Sóc - Bó Thảo	Sông Maspero	Kênh Tam Sóc	Phải	1	1062578	551081	1062076	548268	2,9	a, b	20 m	Phường 2, Phường 7	2	<ul style="list-style-type: none"> Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung. Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xây ra sạt lở. 	<ul style="list-style-type: none"> Tập trung dân cư. Có sạt lở. Kênh cấp I

STT	Mã đoạn	STT sông	Tên sông, kênh, rạch	Tên khác	Điểm đầu	Điểm cuối	Bờ	Đoạn cắm mốc	Theo hệ tọa độ VN2000 (kinh tuyến trục 105° 30', múi 3 ^o)				Chiều dài cắm mốc (km)	Chức năng	Phạm vi	Địa giới hành chính	Thứ tự ưu tiên cắm mốc	Mục đích sử dụng nguồn nước	Ghi chú
									Điểm đầu		Điểm cuối								
									X1	Y1	X2	Y2							
							Trái	1	1062542	551111	1062019	548129	3,0	a, b	20 m	Phường 2, Phường 7	2	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung. - Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xây ra sạt lở.	
4	ST04	4	Kênh Mới	Kênh Phú Thuận - Thị trấn	Kênh 19/5	Kênh Cò Bắc	Trái	1	1058666	551764	1059264	553433	1,8	a, b	20 m	Phường 3	3	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I.
5	ST05	5	Kênh 30 tháng 4		Kênh Lâu	Hồ Nước Ngọt	Phải	1	1066113	550909	1063175	551525	3,1	a, b	20 m	Phường 6, Phường 7	1	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung, khu công nghiệp. - Có chức năng cấp, thoát nước nhằm bảo đảm vệ sinh môi trường, cải tạo, phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái.	- Tập trung dân cư. - Nhà máy nước mặt Khu công nghiệp An Nghiệp. - Kênh cấp I.
							Trái	1	1065291	551075	1063202	551531	2,2	a, b	20 m	Phường 6, Phường 7	1	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung, khu công nghiệp. - Có chức năng cấp, thoát nước nhằm bảo đảm vệ sinh môi trường, cải tạo, phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái.	
II Thị xã Ngã Năm																			
6	NN01	1	Kênh Năng Rền		Kênh Quán Lộ - Phụng Hiệp	Địa phận tỉnh Bạc Liêu	Phải	1	1053717	506175	1049014	510407	6,3	a, b	20 m	Phường 3, xã Mỹ Bình	4	- Kênh liên tỉnh chảy qua huyện Thạnh Trị, thị xã Ngã Năm (tỉnh Sóc Trăng) đến tỉnh Bạc Liêu. - Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung. - Cấp thoát nước cho cụm công nghiệp.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I.
							Trái	1	1053738	506196	1050598	509048	4,2	a, b	20 m	Phường 3	4	- Kênh liên tỉnh chảy qua huyện Thạnh Trị, thị xã Ngã Năm (tỉnh Sóc Trăng) đến tỉnh Bạc Liêu. - Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	
7	NN02	2	Kênh Rọc Lá	Kênh Thủy Cai Nhâm	Kênh Cái Bè	Địa phận tỉnh Bạc Liêu	Phải	1	1046783	507514	1043874	505884	3,4	a, b	20 m	Xã Mỹ Quới	3	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung. - Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xây ra sạt lở.	- Tập trung dân cư. - Có sạt lở. - Kênh cấp I.
							Trái	1	1046741	507520	1043855	505903	3,3	a, b	20 m	Xã Mỹ Quới	3	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung. - Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xây ra sạt lở.	
8	NN03	3	Kênh Cái Bè	Kênh Thủy Cai Nhâm	Kênh Xáng Ngã Năm - Phú Lộc	Kênh Rọc Lá	Phải	1	1055928	513744	1049014	510407	11,6	a, b	20 m	Phường 1; các xã Long Bình, Mỹ Bình, Mỹ Quới	3	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung. - Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xây ra sạt lở.	- Tập trung dân cư. - Có sạt lở. - Kênh cấp I.

STT	Mã đoạn	STT sông	Tên sông, kênh, rạch	Tên khác	Điểm đầu	Điểm cuối	Bờ	Đoạn cắm mốc	Theo hệ tọa độ VN2000 (kinh tuyến trực 105° 30', múi 3 ^o)				Chiều dài cắm mốc (km)	Chức năng	Phạm vi	Địa giới hành chính	Thứ tự ưu tiên cắm mốc	Mục đích sử dụng nguồn nước	Ghi chú
									Điểm đầu		Điểm cuối								
									X1	Y1	X2	Y2							
							Trái	1	1055899	513767	1046771	507546	11,6	a, b	20 m	Các xã: Long Bình, Mỹ Bình, Mỹ Quới	3	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung; Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xảy ra sạt lở.	- Tập trung dân cư. - Có sạt lở. - Kênh cấp I.
9	NN04	4	Rạch Xéo Chít		Rạch Báo Cát	Kênh Quán Lộ - Phụng Hiệp	Phải	1	1057845	510448	1059797	506374	5,1	a, b	20 m	Phường 1, xã Vĩnh Quới	4	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	Tập trung dân cư
							Trái	1	1057822	510440	1059761	506374	5,1	a, b	20 m	Phường 1, xã Vĩnh Quới	4	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	Tập trung dân cư
10	NN05	5	Kênh xáng Ngã Năm - Phú Lộc	Kênh Phù Lộc - Ngã Năm	Kênh Quán Lộ - Phụng Hiệp	Sông Cái	Phải	1	1055928	513744	1051672	520359	11,7	a, b	20 m	Phường 1, xã Long Bình, xã Tân Long	4	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I
							Trái	1	1057821	510535	1051586	520548	11,9	a, b	20 m	Phường 1, xã Long Bình, xã Tân Long	4	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Có đường tỉnh lộ. - Kênh cấp I
11	NN06	6	Kênh Cái Trầu		Kênh Tam Sóc	Kênh Xáng Ngã Năm - Phú Lộc	Phải	1	1054307	522049	1053169	518722	3,5	a, b	20 m	Xã Tân Long	4	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	Tập trung dân cư
							Trái	1	1054264	522031	1053150	518748	3,5	a, b	20 m	Xã Tân Long	4	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Có đường tỉnh lộ.
12	NN07	7	Kênh Bến Long		Kênh Quán Lộ - Phụng Hiệp	Kênh Nước Ngọt	Phải	1	1058991	511768	1058092	515606	4,3	a, b	20 m	Phường 1, xã Long Bình	5	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	Tập trung dân cư
							Trái	1	1059006	511792	1058123	515623	4,2	a, b	20 m	Phường 1, Phường 2	5	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	Tập trung dân cư
13	NN08	8	Kênh Nước Ngọt		Kênh Bến Long	Kênh Bình Hưng	Phải	1	1058090	515626	1058048	517426	1,8	a, b	20 m	Xã Long Bình	5	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	Tập trung dân cư
							Trái	1	1058123	515623	1058073	517432	1,8	a, b	20 m	Phường 2	5	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	Tập trung dân cư
14	NN09	9	Kênh Lâm Trà		Kênh Quán Lộ - Phụng Hiệp	Kênh Bình Hưng	Phải	1	1060096	512948	1059830	518098	5,2	a, b	20 m	Phường 2	5	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I.
							Trái	1	1060118	512963	1059886	518103	5,2	a, b	20 m	Phường 2	5	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I.
15	NN010	10	Kênh Xáng Cụt		Kênh Xáng Mỹ Phước	Kênh Bình Hưng	Phải	1	1061040	519197	1059910	518141	1,5	a, b	20 m	Phường 2	5	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	Tập trung dân cư
							Trái	1	1061021	519201	1061021	519201	1,6	a, b	20 m	Phường 2	5	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	Tập trung dân cư

STT	Mã đoạn	STT sông	Tên sông, kênh, rạch	Tên khác	Điểm đầu	Điểm cuối	Bờ	Đoạn cắm mốc	Theo hệ tọa độ VN2000 (kinh tuyến trực 105° 30', múi 3°)				Chiều dài cắm mốc (km)	Chức năng	Phạm vi	Địa giới hành chính	Thứ tự ưu tiên cắm mốc	Mục đích sử dụng nguồn nước	Ghi chú
									Điểm đầu		Điểm cuối								
									X1	Y1	X2	Y2							
16	NN11	11	Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp	Xáng Quản Lộ - Phụng Hiệp	Kênh Tân Phước - An Tập	Địa phận tỉnh Bạc Liêu	Phải	1	1065291	518319	1059847	512589	7,9	a, b	20 m	Phường 2	1	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung	Tập trung dân cư
								2	1057121	509637	1052992	505306	6,0	a, b	20 m	Xã Vĩnh Quới	1	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung. - Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xây ra sạt lở.	- Tập trung dân cư. - Có sạt lở tại khóm Vĩnh Tiền - xã Vĩnh Quới. - Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp
								3	1059826	512568	1057133	509656	4,0	a, b, d	20 m	Phường 1	1	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung. - Liên quan đến hoạt động bảo tồn văn hóa, phát triển du lịch (văn hóa chợ nổi). - Gắn liền với sinh kế của cộng đồng dân cư sống ven sông. - Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xây ra sạt lở.	- Tập trung dân cư (Chợ nổi Ngã Năm). - Có sạt lở.
							Trái	1	1065233	518332	1059817	512661	7,8	a, b	20 m	Phường 2	1	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung	Tập trung dân cư
								2	1056825	509431	1052847	505258	5,8	a, b	20 m	Phường 3	1	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung - Tiêu thoát nước cho cụm công nghiệp.	- Tập trung dân cư. - Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp. - Cụm công nghiệp Vĩnh Biên.
								3	1059807	512631	1056850	509461	4,3	a, b, d	20 m	Phường 1	1	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung. - Liên quan đến hoạt động bảo tồn văn hóa, phát triển du lịch (văn hóa chợ nổi). - Gắn liền với sinh kế của cộng đồng dân cư sống ven sông. - Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xây ra sạt lở. - Tiêu thoát nước cho cụm công nghiệp.	- Tập trung dân cư. - Chợ nổi Ngã Năm. - Có sạt lở. - Cụm công nghiệp Vĩnh Biên.

STT	Mã đoạn	STT sông	Tên sông, kênh, rạch	Tên khác	Điểm đầu	Điểm cuối	Bờ	Đoạn cắm mốc	Theo hệ tọa độ VN2000 (kinh tuyến trục 105° 30', múi 3 ^o)				Chiều dài cắm mốc (km)	Chức năng	Phạm vi	Địa giới hành chính	Thứ tự ưu tiên cắm mốc	Mục đích sử dụng nguồn nước	Ghi chú
									Điểm đầu		Điểm cuối								
									X1	Y1	X2	Y2							
17	NN12	12	Kênh Xáng Mỹ Phước	Kênh Quán Lộ - Nhu Gia	Sông Nhu Gia	Kênh Quán Lộ - Phụng Hiệp	Phải	1	1063434	519338	1064107	517150	2,4	a, b	20 m	Phường 2	2	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung; cụm công nghiệp. - Có chức năng cấp, thoát nước nhằm bảo đảm vệ sinh môi trường, cải tạo, phục hồi các nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt tại đô thị, khu công nghiệp.	- Tập trung dân cư. - Quy hoạch cụm công nghiệp Ngã Năm.
							Trái	1	1063374	519358	1064045	517079	2,4	a, b	20 m	Phường 2	2	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung; cụm công nghiệp. - Có chức năng cấp, thoát nước nhằm bảo đảm vệ sinh môi trường, cải tạo, phục hồi các nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt tại đô thị.	- Tập trung dân cư. - Quy hoạch cụm công nghiệp Ngã Năm.
18	NN13	13	Kênh Bình Hưng		Kênh Xáng Mỹ Phước	Kênh Xáng Ngã Năm - Phú Lộc	Phải	1	1053914	517605	1059479	518051	5,6	a, b	20 m	Xã Tân Long	5	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	Tập trung dân cư
							Trái	1	1053817	517567	1059486	518020	5,7	a, b	20 m	Xã Tân Long	5	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	Tập trung dân cư
III			Thị xã Vĩnh Châu																
19	VC1	1	Sông Cỏ Cò		Địa phận tỉnh Bạc Liêu	Sông Mỹ Thanh	Trái	1	1042083	551452	1042428	551853	0,5	a, b	20 m	Xã Vĩnh Hiệp	1	- Sông liên huyện Mỹ Xuyên, thị xã Vĩnh Châu. - Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung. - Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xây ra sạt lở.	- Tập trung dân cư. - Có sạt lở.
20	VC2	2	Kênh Lai Hòa	Kênh Năm Căn - Lai Hòa	Sông Cỏ Cò	Kênh sau Chùa Prey Chóp	Phải	1	1033297	535427	1032574	535731	0,8	a	20 m	Xã Lai Hòa	1	Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xây ra sạt lở.	- Có sạt lở. - Kênh cấp 1.
							Trái	1	1033345	535525	1032777	535681	0,6	a	20 m	Xã Lai Hòa	1	Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xây ra sạt lở.	- Có sạt lở. - Kênh cấp 1.
21	VC3	3	Kênh Tân Quy		Sông Cỏ Cò	Kênh cấp Lộ Nam sông Hậu	Phải	1	1035936	543514	1035207	543785	0,8	a, b	20 m	Xã Vĩnh Tân	2	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp 1.
							Trái	1	1035958	543549	1035228	543824	0,8	a, b	20 m	Phường Vĩnh Phước	2	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Có đê sông. - Kênh cấp 1.
22	VC4	4	Kênh Vĩnh Châu		Sông Cỏ Cò	Kênh cấp lộ 38 cũ	Phải	1	1032169	551498	1032956	551572	0,8	b	20 m	Khóm 2, Phường 1	3	Tiêu thoát nước cho cụm công nghiệp được quy hoạch.	Quy hoạch Cụm công nghiệp Vĩnh Châu
IV			Huyện Châu Thành																
23	CT01	1	Kênh xáng Xá Lan	Kênh Tam Sóc - Bó Tháo	Sông Maspero	Kênh Tam Sóc	Phải	1	1062065	548232	1061187	544065	4,3	a, b	20 m	Xã An Ninh	3	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	Tập trung dân cư
							Trái	1	1062005	548079	1061143	544039	4,1	a, b	20 m	Xã An Ninh	3	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	Tập trung dân cư

STT	Mã đoạn	STT sông	Tên sông, kênh, rạch	Tên khác	Điểm đầu	Điểm cuối	Bờ	Đoạn cắm mốc	Theo hệ tọa độ VN2000 (kinh tuyến trực 105° 30', múi 3°)				Chiều dài cắm mốc (km)	Chức năng	Phạm vi	Địa giới hành chính	Thứ tự ưu tiên cắm mốc	Mục đích sử dụng nguồn nước	Ghi chú	
									Điểm đầu		Điểm cuối									
									X1	Y1	X2	Y2								
24	CT02	2	Kênh Tân Phước - An Tập		Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	Kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng	Phải	1	1065308	545398	1063822	548787	3,8	a, b	20 m	Xã An Hiệp, xã An Ninh	3	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I.	
								2	1071565	536139	1070116	539752	6,4	a, b	20 m	Xã Thiện Mỹ	3	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I.	
								Trái	1	1065278	545490	1063837	548795	3,7	a, b	20 m	Xã An Hiệp, xã An Ninh	3	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I.
									2	1071769	535682	1070155	539757	6,8	a, b	20 m	Xã An Hiệp, xã Thiện Mỹ	3	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I.
25	CT03	3	Kênh Hồ Đắc Kiên	Kênh Ba Rinh mới	Kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng	Kênh Tân Phước - An Tập	Phải	1	1078460	538665	1070727	538379	7,8	a, b	20 m	Xã Hồ Đắc Kiên, xã Thiện Mỹ	1	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung. - Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xây ra sạt lở.	- Tập trung dân cư. - Có sạt lở. - Kênh cấp I.	
							Trái	1	1078444	538693	1070712	538412	7,8	a, b	20 m	Xã Hồ Đắc Kiên, xã Thiện Mỹ	1	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung; Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xây ra sạt lở.	- Tập trung dân cư. - Có sạt lở. - Kênh cấp I.	
26	CT04	4	Kênh Xáng		Kênh Tân Phước - An Tập	Kênh Ba Rinh	Phải	1	1070698	538378	1067774	538284	2,9	a, b	20 m	Xã Thiện Mỹ	5	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	Tập trung dân cư	
							Trái	1	1070688	538410	1067848	538324	2,8	a, b	20 m	Xã Thiện Mỹ	5	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	Tập trung dân cư	
27	CT05	5	Kênh Ba Rinh (cũ)		Kênh Hồ Đắc Kiên	Kênh Đào, kênh Tân Phước - An Tập	Phải	1	1078447	538765	1070243	539727	8,3	a	20 m	Xã Hồ Đắc Kiên, xã Thiện Mỹ	2	Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xây ra sạt lở.	- Có sạt lở. - Kênh cấp I.	
							Trái	1	1078449	538786	1070210	539770	8,3	a	20 m	Xã Hồ Đắc Kiên, xã Thiện Mỹ	2	Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xây ra sạt lở.	- Có sạt lở. - Kênh cấp I.	
28	CT06	6	Kênh Mỹ An		Sông Mỹ Hương	Kênh Đào	Phải	1	1067692	540290	1070116	539752	2,5	a, b	20 m	Xã Thiện Mỹ	5	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	Tập trung dân cư	
							Trái	1	1067675	540257	1070122	539713	2,5	a, b	20 m	Xã Thiện Mỹ	5	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	Tập trung dân cư	

STT	Mã đoạn	STT sông	Tên sông, kênh, rạch	Tên khác	Điểm đầu	Điểm cuối	Bờ	Đoạn cắm mốc	Theo hệ tọa độ VN2000 (kinh tuyến trực 105° 30', múi 3°)				Chiều dài cắm mốc (km)	Chức năng	Phạm vi	Địa giới hành chính	Thứ tự ưu tiên cắm mốc	Mục đích sử dụng nguồn nước	Ghi chú
									Điểm đầu		Điểm cuối								
									X1	Y1	X2	Y2							
29	CT07	7	Kênh xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng	Kênh Xáng - Phụng Hiệp	Địa phận tỉnh Hậu Giang	Sông Maspéro	Phải	1	1064987	549444	1078521	539677	16,7	a, b, d	20 m	Thị trấn Châu Thành; các xã: An Hiệp, Hồ Đắc Kiên, Thuận Hòa	1	- Kênh liên tỉnh nối tỉnh Sóc Trăng và thị xã Ngã Bảy (tỉnh Hậu Giang); đóng vai trò quan trọng trong tưới tiêu nông nghiệp. - Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung. - Liên quan đến hoạt động bảo tồn văn hóa (đua ghe Ngo). - Là trục tiêu thoát nước cho cụm công nghiệp được quy hoạch.	- Tập trung dân cư. - Đua ghe ngo tại ấp Trà Quyết B. - Quy hoạch cụm công nghiệp Xây Đả B. - Có đê sông. - Tuyến Quốc lộ 1A. - Kênh cấp I.
							Trái	1	1064948	549419	1078500	539636	16,8	a, b, d	20 m	Thị trấn Châu Thành; các xã An Hiệp, Hồ Đắc Kiên, Thuận Hòa, An Ninh	1	- Kênh liên tỉnh nối tỉnh Sóc Trăng và thị xã Ngã Bảy (tỉnh Hậu Giang); đóng vai trò quan trọng trong tưới tiêu nông nghiệp. - Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung. - Liên quan đến hoạt động bảo tồn văn hóa (đua ghe Ngo).	- Tập trung dân cư. - Đua ghe ngo tại ấp Trà Quyết B. - Có đê sông. - Tuyến Quốc lộ 1A. - Kênh cấp I.
30	CT8	8	Kênh Đào	Kênh Thuận Hòa	Kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng	Kênh Tân Phước - An Tập	Phải	1	1073317	543399	1070210	539770	4,8	a, b	20 m	Thị trấn Châu Thành, xã Hồ Đắc Kiên, xã Thiện Mỹ	5	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Có các cơ sở sản xuất (lò gạch); giao thông đường thủy.
							Trái	1	1073298	543418	1070155	539757	4,8	a, b	20 m	Thị trấn Châu Thành, xã Thiện Mỹ, xã Thuận Hòa	5	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Có các cơ sở sản xuất (lò gạch); giao thông đường thủy.
31	CT9	9	Kênh 30 tháng 4	Kênh Lầu	Kênh Lầu	Hồ Nước Ngọt	Phải	1	1066113	550909	1066113	550909	4,1	a, b	20 m	Xã An Hiệp, xã Phú Tân	1	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung; khu, cụm công nghiệp. - Có chức năng cấp, thoát nước bảo đảm vệ sinh môi trường, cải tạo, phục hồi các nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt tại đô thị, khu dân cư tập trung, gần khu công nghiệp.	- Tập trung dân cư. - Gần khu công nghiệp An Nghiệp. - Có nguy cơ sạt lở. - Kênh cấp I.

STT	Mã đoạn	STT sông	Tên sông, kênh, rạch	Tên khác	Điểm đầu	Điểm cuối	Bờ	Đoạn cắm mốc	Theo hệ tọa độ VN2000 (kính tuyến trục 105° 30', múi 3 ^o)				Chiều dài cắm mốc (km)	Chức năng	Phạm vi	Địa giới hành chính	Thứ tự ưu tiên cắm mốc	Mục đích sử dụng nguồn nước	Ghi chú
									Điểm đầu		Điểm cuối								
									X1	Y1	X2	Y2							
								2	1078395	543837	1074372	545749	4,7	a, b	20 m	Thị trấn Châu Thành, xã Phú Tâm	1	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung. - Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xây ra sạt lở.	- Tập trung dân cư. - Có nguy cơ sạt lở. - Kênh cấp I.
						Trái	1	1069488	548767	1065291	551075	5,0	a, b	20 m	Xã An Hiệp, xã Phú Tân	1	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung, khu, cụm công nghiệp. - Có chức năng cấp, thoát nước nhằm bảo đảm vệ sinh môi trường, cải tạo, phục hồi các nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt tại đô thị, khu dân cư tập trung, gần khu công nghiệp.	- Tập trung dân cư. - Gần khu công nghiệp An Nghiệp. - Có nguy cơ sạt lở. - Kênh cấp I.	
							2	1078397	543869	1074294	545845	4,8	a, b	20 m	Xã Phú Tâm	1	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung. - Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xây ra sạt lở.	- Tập trung dân cư. - Có nguy cơ sạt lở. - Kênh cấp I.	
32	CT10	10	Sông Vung Thơm	Rạch Vung Thơm	Kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng	Sông Văn Cơ	Phải	1	1071333	549272	1071377	551956	2,8	a, b	20 m	Xã Phú Tân	4	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	Tập trung dân cư
							Trái	1	1071316	549443	1071392	551978	2,6	a, b	20m	Xã Phú Tâm	4	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	Tập trung dân cư
V	Huyện Cù Lao Dung																		
33	CLD1	1	Sông Hậu	Sông Định An (đoạn qua huyện Cù Lao Dung)	Sông Hậu (đoạn ranh giữa tỉnh Sóc Trăng, Hậu Giang và Vĩnh Long)	Biển Đông (Cửa Định An)	Phải	1	1079758	563292	1059169	586956	30,7	a	10 m	Các xã: An Thạnh 1, An Thạnh 2, An Thạnh 3 và An Thạnh Đông	1	- Sông liên tỉnh Hậu Giang, Sóc Trăng và Trà Vinh; có tầm quan trọng trong phát triển kinh tế và giao thông thủy. - Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xây ra sạt lở. - Tiêu thoát nước cho cụm công nghiệp được quy hoạch.	- Có sạt lở. - Có đê sông.
				Sông Trần Đề (đoạn qua huyện Cù Lao Dung)	Sông Hậu (đoạn ranh giữa tỉnh Sóc Trăng, Hậu Giang và Vĩnh Long)	Biển Đông (Cửa Trần Đề)	Trái	1	1079758	563292	1055184	578115	29,0	a	10 m	Các xã: An Thạnh 1, An Thạnh Tây, Đại An 1	1	- Sông liên tỉnh Hậu Giang, Sóc Trăng và Trà Vinh; có tầm quan trọng trong phát triển kinh tế và giao thông thủy. - Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xây ra sạt lở.	- Có sạt lở. - Có đê sông.

STT	Mã đoạn	STT sông	Tên sông, kênh, rạch	Tên khác	Điểm đầu	Điểm cuối	Bờ	Đoạn cắm mốc	Theo hệ tọa độ VN2000 (kính tuyến trục 105° 30', múi 3 ^o)				Chiều dài cắm mốc (km)	Chức năng	Phạm vi	Địa giới hành chính	Thứ tự ưu tiên cắm mốc	Mục đích sử dụng nguồn nước	Ghi chú
									Điểm đầu		Điểm cuối								
									X1	Y1	X2	Y2							
34	CLD2	2	Sông Bến Bạ		Sông Hậu	Sông Hậu	Phải	1	1070215	571525	1069099	572246	1,5	a, b	20 m	Thị trấn Cù Lao Dung	2	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung. - Có chức năng cấp, thoát nước nhằm bảo đảm vệ sinh môi trường, cải tạo, phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái tại thị trấn Cù Lao Dung.	- Tập trung dân cư. - Có xả thải sinh hoạt. - Kênh cấp I
35	CLD3	3	Sông Cồn Tròn		Sông Khém Sâu	Sông Hậu	Trái	1	1068868	570216	1068000	571288	1,5	a, b	20 m	Thị trấn Cù Lao Dung	3	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất công nghiệp. - Có hoạt động xả thải từ Trung tâm y tế và cụm công nghiệp.	- Tập trung dân cư. - Có xả thải sinh hoạt. - Quy hoạch cụm công nghiệp An Thạnh
VI Huyện Kế Sách																			
36	KS1	1	Sông Hậu		Sông Hậu đoạn ranh giữa tỉnh Sóc Trăng, Hậu Giang và Vĩnh Long	Biển Đông (tại cửa Trần Đề và cửa Định An)	Phải	1	1095667	546099	1095667	546099	4,4	a, b	20 m	Thị trấn An Lạc Thôn	1	- Sông liên tỉnh Hậu Giang, Sóc Trăng và Trà Vinh; có tầm quan trọng trong phát triển kinh tế và giao thông thủy. - Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung; có chức năng cấp, thoát nước nhằm bảo đảm vệ sinh môi trường, cải tạo, phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái tại đoạn qua thị trấn An Lạc Thôn.	- Tập trung dân cư. - Quy hoạch cụm công nghiệp An Lạc Thôn I.
								2	1098389	543038	1098389	543038	2,3	a	10 m	Thị trấn An Lạc Thôn	1	- Sông liên tỉnh Hậu Giang, Sóc Trăng và Trà Vinh; có tầm quan trọng trong phát triển kinh tế và giao thông thủy. - Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xảy ra sạt lở. - Tiêu thoát nước cho cụm công nghiệp được quy hoạch.	- Có sạt lở. - Quy hoạch cụm công nghiệp An Lạc Thôn 1 và An Lạc Thôn 2.
								3	1091516	550302	1090058	551719	2,6	a	10 m	Xã An Lạc Tây	1	- Sông liên tỉnh Hậu Giang, Sóc Trăng và Trà Vinh; có tầm quan trọng trong phát triển kinh tế và giao thông thủy. - Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xảy ra sạt lở.	Có sạt lở
								Trái	1	1097739	545612	1093430	550361	6,7	a	10 m	Xã Phong Năm	1	- Sông liên tỉnh Hậu Giang, Sóc Trăng và Trà Vinh; có tầm quan trọng trong phát triển kinh tế và giao thông thủy. - Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xảy ra sạt lở.
37	KS2	2	Kênh Ngay	Kênh Số 1	Địa phận tỉnh Hậu Giang	Sông Số 1	Phải	1	1083869	538579	1083209	541148	2,7	a, b	20 m	Xã Đại Hải	2	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung. - Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xảy ra sạt lở.	- Tập trung dân cư. - Có sạt lở. - Kênh cấp I.

STT	Mã đoạn	STT sông	Tên sông, kênh, rạch	Tên khác	Điểm đầu	Điểm cuối	Bờ	Đoạn cắm mốc	Theo hệ tọa độ VN2000 (kinh tuyến trục 105° 30', múi 3°)				Chiều dài cắm mốc (km)	Chức năng	Phạm vi	Địa giới hành chính	Thứ tự ưu tiên cắm mốc	Mục đích sử dụng nguồn nước	Ghi chú							
									Điểm đầu		Điểm cuối															
									X1	Y1	X2	Y2														
							Trái	1	1083932	538579	1083868	538845	2,6	a, b	20 m	Xã Đại Hải	2	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung. - Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xây ra sạt lở.	- Tập trung dân cư. - Có sạt lở. - Kênh cấp I.							
38	KS3	3	Sông Số 1	Kênh Số 1	Kênh Ngay	Rạch Mọp	Phải	1	1080130	554678	1079387	556857	2,5	a, b	20 m	Xã An Mỹ	2	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung. - Tiêu thoát nước cho cụm công nghiệp được quy hoạch.	- Tập trung dân cư. - Quy hoạch cụm công nghiệp An Mỹ. - Kênh cấp I.							
								2	1080970	550580	1080131	554678	4,1	a, b	20 m	Thị trấn Kế Sách, xã Kế Thành	2	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Có kê bờ (thị trấn Kế Sách). - Kênh cấp I.							
								3	1083198	541181	1081091	549908	9,0	a, b	20 m	Các xã: Đại Hải, Kế An, Kế Thành	2	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung. - Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xây ra sạt lở.	- Tập trung dân cư. - Có sạt lở. - Kênh cấp I.							
							Trái	1	1080743	551668	1080355	554010	2,4	a, b	20 m	Thị trấn Kế Sách	2	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung. - Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xây ra sạt lở.	- Tập trung dân cư. - Có sạt lở (khu vực ấp An Ninh). - Kênh cấp I.							
								2	1083256	541179	1081156	550272	9,1	a, b	20 m	Các xã: Đại Hải, Kế An, Kế Thành	2	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung. - Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xây ra sạt lở.	- Tập trung dân cư. - Có sạt lở. - Kênh cấp I.							
								3	1079842	556346	1079471	556920	0,7	a, b	20 m	Xã Nhơn Mỹ	2	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung. - Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xây ra sạt lở.	- Tập trung dân cư. - Có sạt lở (khu vực ấp Mỹ Huệ). - Kênh cấp I.							
							39	KS4	4	Kênh An Mỹ - 30 tháng 4	Kênh An Mỹ	Rạch Mọp	Kênh 30 tháng 4	Phải	1	1079387	556857	1077480	556045	2,8	a, b	20 m	Xã An Mỹ	2	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung. - Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xây ra sạt lở.	- Tập trung dân cư. - Có sạt lở. - Kênh cấp I.
														Trái	1	1079223	556899	1077502	556140	2,5	a, b	20 m	Xã An Mỹ	2	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung. - Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xây ra sạt lở.	- Tập trung dân cư. - Có sạt lở. - Kênh cấp I.

STT	Mã đoạn	STT sông	Tên sông, kênh, rạch	Tên khác	Điểm đầu	Điểm cuối	Bờ	Đoạn cắm mốc	Theo hệ tọa độ VN2000 (kính tuyến trục 105° 30', múi 3°)				Chiều dài cắm mốc (km)	Chức năng	Phạm vi	Địa giới hành chính	Thứ tự ưu tiên cắm mốc	Mục đích sử dụng nguồn nước	Ghi chú
									Điểm đầu		Điểm cuối								
									X1	Y1	X2	Y2							
40	KS5	5	Sông Cái Côn	Kênh Cái Côn Lớn	Địa phận tỉnh Hậu Giang	Sông Hậu	Phải	1	1098389	543038	1098389	543038	2,2	a, b	20 m	Thị trấn An Lạc Thôn, xã Xuân Hòa	3	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I.
							Trái	1	1097080	542405	1098080	542599	1,0	a, b	20 m	Xã Xuân Hòa	3	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung. - Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xây ra sạt lở.	- Tập trung dân cư. - Có sạt lở. - Kênh cấp I.
41	KS6	6	Kênh Cái Côn	Kênh Cái Côn Bé	Sông Cái Côn	Ngã giao kênh 30 tháng 4, kênh Mang Cá, Rạch Vọp, kênh Ngay	Phải	1	1094342	541428	1083868	538845	10,8	a, b	20 m	Các xã: Ba Trinh, Đại Hải, Xuân Hòa	4	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Đường tỉnh lộ. - Kênh cấp I.
							Trái	1	1083870	538896	1083870	538896	13,2	a, b	20 m	Xã Ba Trinh, Xã Đại Hải, Xã Xuân Hòa	4	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Đường tỉnh lộ. - Kênh cấp I.
42	KS7	7	Sông Cái Cao	Rạch Cái Cao	Rạch Cái Trâm	Sông Hậu	Phải	1	1095667	546099	1095667	546099	0,5	a	20 m	Thị trấn An Lạc Thôn	3	Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xây ra sạt lở.	- Có sạt lở. - Kênh cấp I.
43	KS8	8	Rạch Cái Trâm		Kênh Cái Côn	Sông Cái Cao	Phải	1	1090401	544869	1088313	541084	4,3	a, b	20 m	Xã Ba Trinh, xã Trinh Phú	5	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I.
							Trái	1	1089656	543465	1088030	540794	3,2	a, b	20 m	Xã Ba Trinh	5	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I.
44	KS9	9	Rạch Vọp		Kênh Cái Côn	Sông Hậu	Phải	1	1083829	538940	1088278	550711	12,5	a, b	20 m	Các xã: Ba Trinh, Đại Hải, Thới An Hội, Trinh Phú	3	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung. - Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xây ra sạt lở.	- Tập trung dân cư. - Có sạt lở (khu vực áp 8). - Kênh cấp I.
								2	1089218	551139	1089983	551770	1,1	a, b	20 m	Xã An Lạc Tây	3	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung. - Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xây ra sạt lở.	- Tập trung dân cư. - Có sạt lở. - Kênh cấp I.
							Trái	1	1083870	538896	1090058	551719	14,9	a, b	20 m	Các xã An Lạc Tây, Ba Trinh, Đại Hải, Trinh Phú	3	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung. - Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xây ra sạt lở.	- Tập trung dân cư. - Có sạt lở. - Kênh cấp I.

STT	Mã đoạn	STT sông	Tên sông, kênh, rạch	Tên khác	Điểm đầu	Điểm cuối	Bờ	Đoạn cắm mốc	Theo hệ tọa độ VN2000 (kinh tuyến trực 105° 30', múi 3°)				Chiều dài cắm mốc (km)	Chức năng	Phạm vi	Địa giới hành chính	Thứ tự ưu tiên cắm mốc	Mục đích sử dụng nguồn nước	Ghi chú	
									Điểm đầu		Điểm cuối									
									X1	Y1	X2	Y2								
45	KS10	10	Kênh Mương Lộ	Kênh Cặp Lộ 1	Sông Cái Cao	Kênh Lộ Đá	Phải	1	1084265	552481	1076833	551716	7,7	a, b	20 m	Thị trấn Kế Sách, xã Thới An Hội	5	Là trực tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Có kè bờ. - Kênh cấp I.	
								2	1088495	549918	1085257	552082	3,8	a, b	20 m	Xã Thới An Hội, xã Trinh Phú	5	Là trực tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	Tập trung dân cư	
								3	1094810	545940	1091409	548083	3,9	a, b	20 m	Thị trấn An Lạc Thôn, xã Trinh Phú	5	Là trực tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Đường tỉnh lộ. - Kênh cấp I.	
								Trái	1	1094854	545960	1091645	547960	3,8	a, b	20 m	Thị trấn An Lạc Thôn	5	Là trực tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	Tập trung dân cư
									2	1082639	553028	1079874	553139	2,7	a, b	20 m	Thị trấn Kế Sách, xã Thới An Hội	5	Là trực tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I.
									3	1088156	550154	1086032	551695	2,7	a, b	20 m	Xã Thới An Hội	5	Là trực tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I.
46	KS11	11	Kênh 30 tháng 4		Kênh Lâu	Hồ Nước Ngọt	Phải	1	1081995	540537	1079348	543001	3,6	a, b	20 m	Xã Đại Hải	4	Là trực tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I.	
47	KS12	12	Kênh Lâu		Kênh Ngay	Kênh 30 tháng 4	Phải	1	1083851	538674	1083614	539033	0,5	a, b	20 m	Xã Đại Hải	5	Là trực tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	Tập trung dân cư	
							Trái	1	1083855	538711	1083650	539047	0,5	a, b	20 m	Xã Đại Hải	5	Là trực tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	Tập trung dân cư	
48	KS13	13	Kênh Mang Cà	Kênh Ba Rinh	Kênh Lâu	Kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng	Phải	1	1083706	538842	1079932	538718	3,8	a, b	20 m	Xã Đại Hải	5	Là trực tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	Tập trung dân cư	
							Trái	1	1083699	538891	1079907	538737	3,8	a, b	20 m	Xã Đại Hải	5	Là trực tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	Tập trung dân cư	
49	KS14	14	Kênh Hồ Đắc Kiên	Kênh Ba Rinh mới	Kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trăng	Kênh Tân Phước - An Tập	Phải	1	1079774	538718	1078477	538669	1,3	a, b	20 m	Xã Đại Hải	5	Là trực tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I.	
							Trái	1	1079735	538765	1078464	538702	1,2	a, b	20 m	Xã Đại Hải	5	Là trực tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I.	

STT	Mã đoạn	STT sông	Tên sông, kênh, rạch	Tên khác	Điểm đầu	Điểm cuối	Bờ	Đoạn cắm mốc	Theo hệ tọa độ VN2000 (kính tuyến trục 105° 30', múi 3°)				Chiều dài cắm mốc (km)	Chức năng	Phạm vi	Địa giới hành chính	Thứ tự ưu tiên cắm mốc	Mục đích sử dụng nguồn nước	Ghi chú
									Điểm đầu		Điểm cuối								
									X1	Y1	X2	Y2							
50	KS15	15	Rạch Mọp		Sông Số 1	Sông Hậu	Trái	1	1079471	556920	1081695	559130	3,8	a, b	20 m	Xã Nhơn Mỹ	4	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	Tập trung dân cư
VII Huyện Long Phú																			
51	LP1	1	Sông Hậu		Sông Hậu đoạn ranh giữa tỉnh Sóc Trăng, Hậu Giang và Vĩnh Long	Biển Đông (tại cửa Trần Đề và cửa Định An)	Phải	1	1065300	569614	1062219	571719	3,9	a, b	20 m	Thị trấn Long Phú	1	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung và tiêu thoát nước cho khu, cụm công nghiệp được quy hoạch	- Tập trung dân cư. - Quy hoạch khu công nghiệp Đại Ngãi, cụm công nghiệp thị trấn Long Phú.
								2	1075118	563734	1072441	565050	3,0	a, b	20 m	Xã Long Đức	1	- Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xảy ra sạt lở. - Có chức năng cấp, thoát nước nhằm bảo đảm vệ sinh môi trường, cải tạo, phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái đoạn qua thị trấn Đại Ngãi.	- Có sạt lở. - Có khu, cụm công nghiệp (Khu công nghiệp Đại Ngãi, cụm công nghiệp Long Đức 1 và Long Đức 2), Trung tâm Nhiệt điện Long Phú.
								3	1076747	562609	1076297	562922	0,6	a, b	20 m	Thị trấn Đại Ngãi	1	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Có đê sông.
52	LP2	2	Sông Saintard		Sông Định	Sông Hậu	Phải	1	1062228	557374	1063137	558064	1,1	a, b	20 m	Xã Tân Thạnh	3	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	Tập trung dân cư
								2	1066298	559919	1068448	560647	2,4	a, b	20 m	Xã Châu Khánh	3	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung, tiêu thoát nước cho cụm công nghiệp được quy hoạch	- Tập trung dân cư. - Quy hoạch cụm công nghiệp ấp Nhi
								3	1064021	558710	1064236	558815	0,2	a, b	20 m	Xã Tân Thạnh	3	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung. - Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xảy ra sạt lở.	- Tập trung dân cư. - Có sạt lở.
								4	1075220	562291	1076115	563062	1,2	a, b	20 m	Xã Long Đức	3	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	Tập trung dân cư
							Trái	1	1072778	560659	1076297	562922	6,5	a, b	20 m	Thị trấn Đại Ngãi, xã Hậu Thạnh, xã Phú Hữu	3	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung. - Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xảy ra sạt lở.	- Tập trung dân cư. - Có sạt lở.

STT	Mã đoạn	STT sông	Tên sông, kênh, rạch	Tên khác	Điểm đầu	Điểm cuối	Bờ	Đoạn cắm mốc	Theo hệ tọa độ VN2000 (kính tuyến trục 105° 30', múi 3 ^b)				Chiều dài cắm mốc (km)	Chức năng	Phạm vi	Địa giới hành chính	Thứ tự ưu tiên cắm mốc	Mục đích sử dụng nguồn nước	Ghi chú									
									Điểm đầu		Điểm cuối																	
									X1	Y1	X2	Y2																
53	LP3	3	Kênh Bàng Long	Sông Bàng Long	Sông Saintard	Kênh Bà Xám	Phải	1	1063964	561327	1063541	563418	2,1	a, b, d	20 m	Xã Tân Hưng	2	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung. - Liên quan đến hoạt động bảo tồn văn hóa (đua thuyền).	- Tập trung dân cư. - Đua thuyền.									
									Trái	1	1063086	565526								1062587	568213	2,8	a, b, d	20 m	Thị trấn Long Phú, xã Tân Hưng	2	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung. - Liên quan đến hoạt động bảo tồn văn hóa (đua thuyền).	- Tập trung dân cư. - Đua thuyền.
											2	1064021								558710	1063568							
54	LP4	4	Sông Văn Cơ	Rạch Văn Cơ	Sông Vũng Thơm	Sông Saintard	Phải	1	1068292	558666	1068417	557882	0,8	a, b	20 m	Xã Phú Hữu	4	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I.									
									2	1069783	556111	1070191								555176	1,1	a, b	20 m	Xã Trường Khánh	4	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I.	
								Trái	1	1068277	558598	1068391	557894	0,8	a, b	20 m	Xã Trường Khánh	4	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I.								
										2	1068184	557089	1070175								555196	3,2	a, b	20 m	Xã Trường Khánh	4	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I.
55	LP5	5	Kênh Bà Xám	Kênh Bà Xám - Gò	Sông Saintard	Sông Ngan Rô	Phải	1	1063981	567790	1062587	568213	3,3	a, b	20 m	Thị trấn Long Phú, xã Long Phú	5	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I.									
									2	1059063	568870	1057114								569233	2,0	a, b	20 m	Xã Long Phú	5	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I.	
								Trái	1	1062723	568214	1060086	568725	2,8	a, b	20 m	Thị trấn Long Phú, xã Long Phú	5	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I.								
										2	1059057	568917	1057121								569276	2,0	a, b	20 m	Xã Long Phú	5	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I.
56	LP6	6	Kênh 96 Long Hưng	Kênh Bàng Long	Kênh Tiếp Nhật	Phải	1	1062228	563518	1060648	563633	1,6	a, b	20 m	Xã Tân Hưng	5	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I.										
57	LP7	7	Kênh 25 tháng 4	Kênh Bàng Long	Kênh Tiếp Nhật	Trái	1	1059639	565378	1058972	565339	0,7	a, b	20 m	Xã Long Phú	5	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I.										
58	LP8	8	Rạch Mọp		Sông Số 1	Sông Hậu	Trái	1	1081411	559066	1081634	559263	0,3	a, b	20 m	Xã Song Phụng	5	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	Tập trung dân cư									

STT	Mã đoạn	STT sông	Tên sông, kênh, rạch	Tên khác	Điểm đầu	Điểm cuối	Bờ	Đoạn cắm mốc	Theo hệ tọa độ VN2000 (kinh tuyến trực 105° 30', múi 3°)				Chiều dài cắm mốc (km)	Chức năng	Phạm vi	Địa giới hành chính	Thứ tự ưu tiên cắm mốc	Mục đích sử dụng nguồn nước	Ghi chú
									Điểm đầu		Điểm cuối								
									X1	Y1	X2	Y2							
59	LP9	9	Sông Long Phú		Kênh Bà Xám	Sông Hậu	Phải	1	1062161	568329	1062222	569621	1,6	a, b	20 m	Thị trấn Long Phú	5	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	Tập trung dân cư
							Trái	1	1062212	568319	1062294	569637	2,1	a, b	20 m	Thị trấn Long Phú	5	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	Tập trung dân cư
VIII	Huyện Mỹ Tú																		
60	MT01	1	Kênh Nam Ba Rinh - Tà Liêm	Kênh Mới Tà Liêm - Bung Cóc	Kênh 19 tháng 5	Kênh Xáng Xá Lan	Phải	1	1058820	545164	1059479	544455	1,0	a, b, d	20 m	Xã Phú Mỹ	2	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung. - Liên quan đến hoạt động bảo tồn văn hóa (đua ghe Ngo).	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I. - Đua ghe Ngo.
							Trái	1	1058482	545589	1059669	544200	1,8	a, b, d	20 m	Xã Phú Mỹ	2	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung. - Liên quan đến hoạt động bảo tồn văn hóa (đua ghe Ngo).	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I.
61	MT02	2	Kênh Tam Sóc	Kênh Tam Sóc - Bồ Tháo	Sông Nhu Gia	Kênh Xáng Xá Lan	Phải	1	1056895	533004	1058301	538891	6,1	a, b	20 m	Xã Mỹ Thuận, xã Thuận Hưng	3	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Đường tỉnh lộ.
							Trái	1	1057041	532941	1058326	538880	6,2	a, b	20 m	Xã Mỹ Thuận, xã Thuận Hưng	3	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Đường tỉnh lộ. - Kênh cấp I.
62	MT03	3	Kênh Tân Phước - An Tập		Kênh Quán Lộ -Phụng Hiệp	Kênh Xáng Phụng Hiệp - Sóc Trảng	Phải	1	1073814	530329	1071571	536135	6,2	a, b	20 m	Xã Long Hưng	4	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I.
							Trái	1	1073834	530368	1071778	535673	5,7	a, b	20 m	Xã Long Hưng	4	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung. - Quy hoạch cụm công nghiệp Long Hưng.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I.
63	MT04	4	Kênh Ba Rinh		Kênh Xáng	Kênh Mương Khai	Phải	1	1067763	538281	1065149	538204	2,6	a, b	20 m	Xã Mỹ Hương	4	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	Tập trung dân cư
							Trái	1	1067836	538319	1065094	538228	2,7	a, b	20 m	Xã Mỹ Hương	4	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	Tập trung dân cư
64	MT05	5	Kênh Mương Khai		Kênh Tân Phước - An Tập	Kênh Ô Quên	Phải	1	1065087	538204	1064349	538158	0,7	a, b	20 m	Xã Mỹ Hương	4	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I.
							Trái	1	1065094	538228	1065094	538228	0,8	a, b	20 m	Xã Mỹ Hương	4	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I.
65	MT06	6	Sông Mỹ Hương		Kênh Mỹ An	Sông Nhu Gia	Phải	1	1064219	539354	1063617	538777	1,0	a, b	20 m	Xã Mỹ Hương	4	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	Tập trung dân cư
							Trái	1	1063664	539034	1063552	538414	0,7	a, b	20 m	Xã Mỹ Hương	4	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	Tập trung dân cư

STT	Mã đoạn	STT sông	Tên sông, kênh, rạch	Tên khác	Điểm đầu	Điểm cuối	Bờ	Đoạn cắm mốc	Theo hệ tọa độ VN2000 (kinh tuyến trục 105° 30', múi 3°)				Chiều dài cắm mốc (km)	Chức năng	Phạm vi	Địa giới hành chính	Thứ tự ưu tiên cắm mốc	Mục đích sử dụng nguồn nước	Ghi chú
									Điểm đầu		Điểm cuối								
									X1	Y1	X2	Y2							
66	MT07	7	Kênh Tân Lập	Kênh Tân Lập - thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	Kênh Quán Lộ - Phụng Hiệp	Sông Nhu Gia	Phải	1	1073743	530263	1061755	533186	13,2	a, b	20 m	Thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, xã Long Hưng, xã Mỹ Tú	2	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung, tiêu thoát nước cho các cụm công nghiệp được quy hoạch. - Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xây ra sạt lở.	- Tập trung dân cư. - Quy hoạch Cụm công nghiệp thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa. - Có sạt lở (khu vực xã Long Hưng). - Kênh cấp I.
							Trái	1	1073791	530300	1061774	533379	13,3	a, b	20 m	Thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, xã Long Hưng, xã Mỹ Tú	2	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung. - Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xây ra sạt lở.	- Tập trung dân cư. - Có sạt lở (khu vực xã Long Hưng). - Kênh cấp I.
67	MT08	8	Rạch Xóm Tiềm	Kênh Bến Long - Xóm Tiềm	Kênh Bình Hưng	Kênh Xáng Mỹ Phước	Phải	1	1060684	526160	1059516	523880	2,7	a, b	20 m	Xã Mỹ Phước	5	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I.
							Trái	1	1060669	526190	1059820	524274	2,2	a, b	20 m	Xã Mỹ Phước	5	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I.
68	MT09	9	Kênh Xáng Cụt	Kênh Lâm Trà - Xáng Cụt	Kênh Xáng Mỹ Phước	Kênh Bình Hưng	Phải	1	1062926	520917	1061043	519200	2,5	a, b	20 m	Xã Mỹ Phước	5	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	Tập trung dân cư
							Trái	1	1061021	519201	1061021	519201	2,6	a, b	20 m	Xã Mỹ Phước	5	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	Tập trung dân cư
69	MT10	10	Kênh Trà Cú Cạn		Kênh Xáng Mỹ Phước	Kênh Tân Lập	Phải	1	1065536	533860	1066315	530965	3,0	a, b	20 m	Thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	4	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I.
								2	1065152	524270	1063429	519361	5,2	a, b	20 m	Xã Mỹ Phước	4	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I.
							Trái	1	1065136	524306	1063409	519389	5,2	a, b	20 m	Xã Mỹ Phước	4	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I. - Đường tỉnh lộ.
								2	1065520	533848	1066286	530958	3,0	a, b	20 m	Thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	4	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I. - Đường tỉnh lộ.

STT	Mã đoạn	STT sông	Tên sông, kênh, rạch	Tên khác	Điểm đầu	Điểm cuối	Bờ	Đoạn cắm mốc	Theo hệ tọa độ VN2000 (kinh tuyến trực 105° 30', múi 3 ^o)				Chiều dài cắm mốc (km)	Chức năng	Phạm vi	Địa giới hành chính	Thứ tự ưu tiên cắm mốc	Mục đích sử dụng nguồn nước	Ghi chú
									Điểm đầu		Điểm cuối								
									X1	Y1	X2	Y2							
70	MT11	11	Kênh Ô Quên		Kênh Ba Rinh	Kênh Tân Lập	Phải	1	1065208	535082	1065521	533904	1,2	a, b	20 m	Thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	4	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	Tập trung dân cư
							Trái	1	1065187	534959	1065485	533896	1,1	a, b	20 m	Thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, Xã Thuận Hưng	4	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	Tập trung dân cư
71	MT12	12	Kênh Xáng Mỹ Phước		Sông Nhu Gia	Kênh Quán Lộ - Phụng Hiệp	Phải	1	1057732	532416	1063409	519389	14,3	a, b, c, d	30 m	Xã Mỹ Phước, xã Mỹ Thuận	1	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung. - Liên quan đến hoạt động bảo tồn văn hóa (đua ghe Ngo), có giá trị cao về đa dạng sinh học, phát triển hệ sinh thái tự nhiên. - Cấp nước cho rừng tràm Mỹ Phước.	- Tập trung dân cư. - Đưa nge Ngo (ấp Phước An A và Phước An B). - Rừng tràm Mỹ Phước.
							Trái	1	1062926	520917	1063362	519362	14,4	a, b, c, d	20 m	Xã Mỹ Phước, xã Mỹ Thuận	1	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung. - Liên quan đến hoạt động bảo tồn văn hóa (đua ghe Ngo), có giá trị cao về đa dạng sinh học, phát triển hệ sinh thái tự nhiên. - Cấp nước cho rừng tràm Mỹ Phước.	- Tập trung dân cư. - Đưa nge Ngo (ấp Phước An A và Phước An B). - Rừng tràm Mỹ Phước.
72	MT13	13	Kênh Quán Lộ - Phụng Hiệp	Xáng Quán Lộ - Phụng Hiệp	Kênh Tân Phước - An Tập	Địa phận tỉnh Bạc Liêu	Trái	1	1073743	530263	1065277	518333	14,7	a, b	20 m	Xã Hưng Phú, xã Long Hưng	4	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	Tập trung dân cư
IX Huyện Mỹ Xuyên																			
73	MX01	1	Sông Saintard		Sông Đĩnh	Sông Hậu	Trái	1	1058563	554428	1059042	554769	0,6	a, b	20 m	Thị trấn Mỹ Xuyên	4	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	Tập trung dân cư
74	MX02	2	Sông Đĩnh		Sông Bãi Xào	Sông Saintard	Phải	1	1057150	554300	1058113	554264	1,1	a, b	20 m	Thị trấn Mỹ Xuyên	4	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	Tập trung dân cư
							Trái	1	1058563	554428	1058563	554428	1,7	a, b	20 m	Thị trấn Mỹ Xuyên	4	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	Tập trung dân cư
75	MX03	3	Sông Bãi Xào	Bãi Xào	Sông Dù Tho	Sông Đĩnh	Phải	1	1057148	554220	1055963	553489	1,7	a, b	20 m	Thị trấn Mỹ Xuyên	5	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	Tập trung dân cư
							Trái	1	1057116	554284	1056033	553702	1,5	a, b	20 m	Thị trấn Mỹ Xuyên	5	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	Tập trung dân cư
76	MX04	4	Sông Dù Tho		Khúc giao sông Nhu Gia - sông Bãi Xào	Sông Mỹ Thanh	Phải	1	1043867	551850	1042534	551576	7,9	a, b	20 m	Xã Ngọc Đông, xã Ngọc Tô	5	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Có đê sông.

STT	Mã đoạn	STT sông	Tên sông, kênh, rạch	Tên khác	Điểm đầu	Điểm cuối	Bờ	Đoạn cắm mốc	Theo hệ tọa độ VN2000 (kinh tuyến trục 105° 30', múi 3 ^h)				Chiều dài cắm mốc (km)	Chức năng	Phạm vi	Địa giới hành chính	Thứ tự ưu tiên cắm mốc	Mục đích sử dụng nguồn nước	Ghi chú
									Điểm đầu		Điểm cuối								
									X1	Y1	X2	Y2							
77	MX05	5	Sông Cỏ Cò		Địa phận tỉnh Bạc Liêu	Sông Mỹ Thanh	Trái	1	1035156	541890	1038179	546882	6,7	a, b	20 m	Xã Hòa Tú II	1	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung. - Có chức năng cấp, thoát nước nhằm bảo đảm vệ sinh môi trường, cải tạo, phục hồi các nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt tại đô thị, khu dân cư tập trung.	Tập trung dân cư
								2	1040592	549230	1042534	551576	3,4	a, b	20 m	Xã Ngọc Tô	1	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Có đê sông. - Đường tỉnh lộ.
78	MX06	6	Kênh Thanh Mỹ		Sông Dù Tho	Sông Cái	Phải	1	1043867	551850	1043854	551394	0,5	a, b	20 m	Xã Ngọc Tô	3	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung. - Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xây ra sạt lở.	Tập trung dân cư; Có sạt lở; Kênh cấp I
							Trái	1	1043808	551862	1043794	551394	0,5	a, b	20 m	Xã Ngọc Tô	3	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung. - Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xây ra sạt lở.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I. - Có sạt lở.
79	MX07	7	Sông Chàng Ré		Sông Cái	Sông Nhu Gia	Phải	1	1046468	537699	1047984	539835	2,8	a, b	20 m	Xã Thạnh Phú	1	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung. - Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xây ra sạt lở.	- Tập trung dân cư. - Có sạt lở.
							Trái	1	1046396	537738	1047923	539935	2,8	a, b	20 m	Xã Hòa 1, xã Hòa Tú I	1	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung. - Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xây ra sạt lở.	- Tập trung dân cư. - Có nguy cơ sạt lở.
80	MX08	8	Sông Nhu Gia		Kênh Tân Lập	Sông Dù Tho	Phải	1	1051078	537963	1050201	538979	1,5	a, b	20 m	Xã Thạnh Phú	3	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất. - Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xây ra sạt lở.	- Tập trung dân cư. - Có cơ sở sản xuất. - Có sạt lở, có đê sông.
								2	1049329	538910	1048550	543747	5,3	a	10m	Xã Hòa Tú 1, xã Thạnh Phú	3	- Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xây ra sạt lở. - Tiêu thoát nước cho cụm công nghiệp được quy hoạch	- Quy hoạch cụm công nghiệp Thạnh Phú. - Có sạt lở.
							Trái	1	1051592	537782	1050714	538925	1,5	a, b	20 m	Xã Thạnh Phú	3	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất. - Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xây ra sạt lở.	- Tập trung dân cư. - Có cơ sở sản xuất. - Có sạt lở, có đê sông.
								2	1048434	539693	1048740	543644	4,5	a	10m	Xã Thạnh Phú	3	Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xây ra sạt lở	Có sạt lở

STT	Mã đoạn	STT sông	Tên sông, kênh, rạch	Tên khác	Điểm đầu	Điểm cuối	Bờ	Đoạn cắm mốc	Theo hệ tọa độ VN2000 (kinh tuyến trực 105° 30', múi 3°)				Chiều dài cắm mốc (km)	Chức năng	Phạm vi	Địa giới hành chính	Thứ tự ưu tiên cắm mốc	Mục đích sử dụng nguồn nước	Ghi chú
									Điểm đầu		Điểm cuối								
									X1	Y1	X2	Y2							
81	MX09	9	Kênh Tiếp Nhật		Sông Bãi Xảo	Sông Hậu	Phải	1	1056502	554944	1056502	554944	0,4	a, b	20 m	Thị trấn Mỹ Xuyên	4	Là trực tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I.
							Trái	1	1056737	554625	1056671	554757	0,2	a, b	20 m	Thị trấn Mỹ Xuyên	4	Là trực tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I.
82	MX10	10	Kênh 19 tháng 5		Kênh KN7	Phường 10, thành phố Sóc Trăng	Trái	1	1057630	549480	1056263	548271	1,8	a, b	20 m	Xã Đại Tâm	4	Tiểu thoát nước thải công nghiệp được quy hoạch	Tập trung dân cư.
X	Huyện Thạnh Trị																		
83	TT01	1	Kênh Nàng Rền		Kênh Quán Lộ - Phụng Hiệp	Địa phận tỉnh Bạc Liêu	Phải	1	1046242	512858	1044702	514208	2,0	a, b	20 m	Xã Vĩnh Lợi	1	- Kênh liên tỉnh chảy từ Quán Lộ - Phụng Hiệp qua tỉnh Bạc Liêu, giữ vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế nông nghiệp. - Là trực tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung. - Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xảy ra sạt lở.	- Tập trung dân cư. - Có sạt lở. - Kênh cấp I.
								2	1041996	516596	1040106	518145	2,5	a	20 m	Xã Châu Hưng	1	- Kênh liên tỉnh chảy từ Quán Lộ - Phụng Hiệp qua tỉnh Bạc Liêu, đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế nông nghiệp. - Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xảy ra sạt lở.	- Đua ghe Ngo. - Có sạt lở (khu vực áp Kênh Ngay 2). - Kênh cấp I.
								1	1041949	516683	1041069	517455	2,3	a	20 m	Xã Vĩnh Lợi	1	- Kênh liên tỉnh chảy từ Quán Lộ - Phụng Hiệp qua tỉnh Bạc Liêu, đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế nông nghiệp. - Là trực tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung. - Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xảy ra sạt lở.	- Tập trung dân cư. - Có sạt lở. - Kênh cấp I.
								2	1046243	512897	1045035	513955	2,0	a, b	20 m	Xã Châu Hưng	1	- Kênh liên tỉnh từ Quán Lộ - Phụng Hiệp qua tỉnh Bạc Liêu, đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế nông nghiệp. - Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xảy ra sạt lở.	- Có sạt lở (khu vực áp Kênh Ngay 2). - Kênh cấp I.
84	TT02	2	Kênh Bầu Cà Rô		Kênh 8 Thước	Kênh Ngan Rôn - Đông Hưng	Trái	1	1045209	514207	1045035	513955	0,4	a, b	20 m	Xã Vĩnh Lợi	4	Là trực tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung	Tập trung dân cư
							Phải	1	1045201	514239	1045013	513974	0,4	a, b	20 m	Xã Vĩnh Lợi	4	Là trực tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung	Tập trung dân cư

STT	Mã đoạn	STT sông	Tên sông, kênh, rạch	Tên khác	Điểm đầu	Điểm cuối	Bờ	Đoạn cắm mốc	Theo hệ tọa độ VN2000 (kinh tuyến trực 105° 30', múi 3 ^o)				Chiều dài cắm mốc (km)	Chức năng	Phạm vi	Địa giới hành chính	Thứ tự ưu tiên cắm mốc	Mục đích sử dụng nguồn nước	Ghi chú
									Điểm đầu		Điểm cuối								
									X1	Y1	X2	Y2							
85	TT03	3	Kênh 8 Thước		Kênh Bầu Cà Rô	Kênh 10 Thước	Trái	1	1045226	514273	1045528	514768	0,6	a, b	20 m	Xã Vĩnh Thành	5	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung	Tập trung dân cư
							Phải	1	1045254	514253	1045561	514769	0,6	a, b	20 m	Xã Vĩnh Thành	5	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung	Tập trung dân cư
86	TT04	4	Kênh 10 Thước		Kênh 8 Thước	Sông Sông Tác	Trái	1	1049950	522231	1050660	525232	3,1	a, b	20 m	Xã Thạnh Tân	5	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung	Tập trung dân cư
							Phải	1	1050009	522103	1050674	525250	3,2	a, b	20 m	Xã Thạnh Tân	5	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung	Tập trung dân cư
87	TT05	5	Sông Sông Tác		Kênh 10 Thước	Sông Sa Keo	Trái	1	1050657	525278	1051317	527220	2,4	a, b	20 m	Xã Tuân Tức	5	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung	Tập trung dân cư
							Phải	1	1050674	525250	1050674	525250	2,4	a, b	20 m	Xã Tuân Tức	5	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung	Tập trung dân cư
88	TT06	6	Sông Sa Keo		Sông Sông Tác	Sông Nhu Gia	Trái	1	1053433	530907	1053068	535999	6,5	a, b	20 m	Xã Lâm Kiệt, xã Lâm Tân	3	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung. - Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xây ra sạt lở.	- Tập trung dân cư. - Có sạt lở.
							Phải	1	1053482	530886	1053125	535796	6,3	a, b	20 m	Xã Lâm Kiệt, xã Lâm Tân	3	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung. - Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xây ra sạt lở.	- Tập trung dân cư. - Có sạt lở.
89	TT07	7	Kênh xáng Ngã Năm - Phú Lộc	Kênh Phú Lộc - Ngã Năm	Kênh Quán Lộ -Phung Hiệp	Sông Cái	Trái	1	1051649	520387	1043542	525166	9,7	a, b	20 m	Xã Thạnh Tân, xã Thạnh Trị	4	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I.
							Phải	1	1051580	520546	1043541	525407	9,8	a, b	20 m	Xã Thạnh Tân, xã Thạnh Trị	4	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I.
90	TT08	8	Sông Cái	Rạch Chàng Ré	Kênh Xáng Ngã Năm-Phú Lộc	Sông Chàng Ré	Trái	1	1043516	525234	1042343	528647	4,2	a, b	20 m	Thị trấn Phú Lộc, xã Thạnh Trị	4	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	Tập trung dân cư
							Phải	1	1043539	525437	1042392	528404	3,7	a, b	20 m	Thị trấn Phú Lộc, xã Thạnh Trị	4	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	Tập trung dân cư
91	TT9	9	Kênh Ngay	Kênh số 1	Kênh Nàng Rền	Sông Cái	Trái	1	1041852	521418	1041097	517439	4,1	a, b	20 m	Thị trấn Hưng Lợi, xã Châu Hưng	5	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I.

STT	Mã đoạn	STT sông	Tên sông, kênh, rạch	Tên khác	Điểm đầu	Điểm cuối	Bờ	Đoạn cắm mốc	Theo hệ tọa độ VN2000 (kinh tuyến trực 105° 30', múi 3°)				Chiều dài cắm mốc (km)	Chức năng	Phạm vi	Địa giới hành chính	Thứ tự ưu tiên cắm mốc	Mục đích sử dụng nguồn nước	Ghi chú
									Điểm đầu		Điểm cuối								
									X1	Y1	X2	Y2							
							Phải	1	1041745	521285	1041069	517455	3,9	a, b	20 m	Thị trấn Hưng Lợi, xã Châu Hưng	5	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp 1.
92	TT10	10	Kênh Cái Trầu		Sông Nhu Gia	Kênh Xáng Ngã Năm - Phú Lộc	Trái	1	1056308	529586	1054292	522051	7,9	a, b, c	30 m	Xã Lâm Tân, xã Thạnh Tân	2	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung. - Cấp nước cho rừng tràm Mỹ Phước, liên quan đến bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển hệ sinh thái tự nhiên.	- Tập trung dân cư. - Rừng tràm Mỹ Phước.
							Phải	1	1056282	529638	1054266	522049	7,9	a, b, c	30 m	Xã Lâm Tân, xã Thạnh Tân	2	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung. - Cấp nước cho rừng tràm Mỹ Phước, liên quan đến bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển hệ sinh thái tự nhiên.	- Tập trung dân cư. - Rừng tràm Mỹ Phước.
93	TT11	11	Sông Nhu Gia		Kênh Tân Lập	Sông Dù Tho	Phải	1	1051730	537581	1051078	537963	0,8	a, b	20 m	Xã Lâm Kiết	3	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung	Tập trung dân cư
94	TT12	12	Kênh KT 13		Rạch Sa Di	Sông Cái	Phải	1	1046627	525059	1045453	525736	1,4	a, b	20 m	Xã Thạnh Trị	5	Tiêu thoát nước cho cụm công nghiệp được quy hoạch	Quy hoạch Cụm công nghiệp Phú Lộc
XI Huyện Trần Đề																			
95	TĐ1	1	Sông Hậu		Sông Hậu đoạn ranh giữa tỉnh Sóc Trăng, Hậu Giang và Vĩnh Long	Biển Đông (tại cửa Trần Đề và cửa Định An)	Phải	1	1056444	575523	1053464	576802	3,3	a, b	20 m	Thị trấn Trần Đề	1	- Sông liên tỉnh Hậu Giang, Sóc Trăng và Trà Vinh; đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế và giao thông thủy. - Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung thị trấn Trần Đề. - Có chức năng cấp, thoát nước nhằm bảo đảm vệ sinh môi trường, cải tạo, phục hồi các nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái tại khu dân cư tập trung, khu công nghiệp.	- Tập trung dân cư. - Quy hoạch khu công nghiệp.
96	TĐ2	2	Sông Mỹ Thanh		Khúc giao giữa sông Cò - sông Dù Tho	Biển Đông	Trái	1	1042753	551769	1042753	551769	2,9	a, b	20 m	Xã Thạnh Thới Thuận	2	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Có đê sông.
97	TĐ3	3	Sông Dù Tho		Khúc giao sông Nhu Gia - sông Bãi Xào	Sông Mỹ Thanh	Trái	1	1042753	551769	1042753	551769	2,2	a	10m	Xã Thạnh Thới Thuận	2	- Sông liên huyện Mỹ Xuyên, Trần Đề và thị xã Vĩnh Châu. - Cần bảo vệ sự ổn định bờ do có xáy ra sạt lở.	Sạt lở
98	TĐ4	4	Kênh 96 Long Hưng		Kênh Bàng Long	Kênh Tiệp Nhất	Trái	1	1054260	561275	1053195	560830	1,2	a, b	20 m	Xã Viên An	4	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp 1.

STT	Mã đoạn	STT sông	Tên sông, kênh, rạch	Tên khác	Điểm đầu	Điểm cuối	Bờ	Đoạn cắm mốc	Theo hệ tọa độ VN2000 (kính tuyến trục 105° 30', múi 3 ^o)				Chiều dài cắm mốc (km)	Chức năng	Phạm vi	Địa giới hành chính	Thứ tự ưu tiên cắm mốc	Mục đích sử dụng nguồn nước	Ghi chú
									Điểm đầu		Điểm cuối								
									X1	Y1	X2	Y2							
99	TD5	5	Sông Ngan Rô		Kênh Cái Xe	Sông Hậu	Phải	1	1056382	569390	1055865	572822	4,0	a, b	20 m	Xã Đại Ân 2	4	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	Tập trung dân cư
							Trái	1	1056406	569392	1056254	574300	5,3	a, b	20 m	Xã Đại Ân 2	4	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	Tập trung dân cư
100	TD6	6	Kênh Tiếp Nhật	Kênh Tiếp Nhật	Sông Bãi Xáo	Sông Hậu	Phải	1	1050274	575957	1050443	576913	1,0	a, b	20 m	Xã Trung Bình	2	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Đường tỉnh lộ. - Kênh cấp I.
								2	1056502	554944	1049866	573670	21,1	a, b	20 m	Thị trấn Lịch Hội Thượng; các xã: Liêu Tú, Tài Văn, Viên An, Viên Bình	2	- Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung. - Tiêu thoát nước cho cụm công nghiệp được quy hoạch.	- Tập trung dân cư. - Đường tỉnh lộ. - Kênh cấp I.
							Trái	1	1056650	554766	1053195	560830	20,3	a, b	20 m	Thị trấn Lịch Hội Thượng; các xã: Liêu Tú, Tài Văn, Viên An, Viên Bình	2	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Đường tỉnh lộ. - Kênh cấp I.
								2	1050301	575947	1050464	576909	1,0	a, b	20 m	Thị trấn Trần Đề	2	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Đường tỉnh lộ. - Kênh cấp I.
101	TD7	7	Kênh Bồn Bồn		Kênh Tiếp Nhật	Sông Ngan Rô	Phải	1	1055811	573338	1055416	573526	0,4	a, b	20 m	Xã Đại Ân 2	5	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I.
							Trái	1	1055804	573358	1055423	573536	0,4	a, b	20 m	Thị trấn Trần Đề	5	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I.
102	TD8	8	Kênh Giồng Chát	Kênh Đại Nón - Giồng Chát	Kênh Tiếp Nhật	Sông Mỹ Thanh	Phải	1	1048791	567865	1049377	567860	0,6	a, b	20 m	Xã Liêu Tú	5	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I.
							Trái	1	1048845	567840	1049375	567836	0,5	a, b	20 m	Xã Liêu Tú	5	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I.

STT	Mã đoạn	STT sông	Tên sông, kênh, rạch	Tên khác	Điểm đầu	Điểm cuối	Bờ	Đoạn cắm mốc	Theo hệ tọa độ VN2000 (kinh tuyến trục 105° 30', múi 3 ^o)				Chiều dài cắm mốc (km)	Chức năng	Phạm vi	Địa giới hành chính	Thứ tự ưu tiên cắm mốc	Mục đích sử dụng nguồn nước	Ghi chú
									Điểm đầu		Điểm cuối								
									X1	Y1	X2	Y2							
103	TĐ9	9	Kênh Xáng	Kênh Đại Nôn - Giồng Chát	Kênh Cái Xe	Kênh Tiếp Nhật	Phải	1	1050135	567831	1049413	567840	0,7	a, b	20 m	Xã Liêu Tú	5	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I.
								2	1054248	567735	1053558	567748	0,7	a, b	20 m	Xã Liêu Tú	5	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	Tập trung dân cư, Kênh cấp I
								1	1050135	567850	1049413	567859	0,7	a, b	20 m	Xã Liêu Tú	5	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I.
								2	1054254	567770	1053561	567777	0,7	a, b	20 m	Xã Liêu Tú	5	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I.
104	TĐ10	10	Kênh Hưng Thạnh - Tổng Cánh	Kênh 96 Long Hưng	Sông Mỹ Thanh	Phải	1	1048674	558616	1048961	557859	0,9	a, b	20 m	Xã Thạnh Thới An	5	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I.	
							Trái	1	1048621	558650	1048968	557822	0,9	a, b	20 m	Xã Thạnh Thới An	5	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I.
105	TĐ11	11	Sông An Nô	Kênh Hưng Thạnh - Tổng Cánh	Sông Bãi Xảo	Kênh Hưng Thạnh - Tổng Cánh	Trái	1	1054441	554029	1049005	557879	6,7	a, b	20 m	Xã Thạnh Thới An	5	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I.
106	TĐ12	12	Sông Bung Lức	Kênh Bung Lức	Kênh Tiếp Nhật	Sông Ngan Rô	Phải	1	1051095	572655	1055856	572868	5,1	a, b	20 m	Xã Đại Ân 2, xã Trung Bình	3	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	- Tập trung dân cư. - Kênh cấp I.
								Trái	1	1051091	572617	1055865	572822	5,1	a, b	20 m	Xã Đại Ân 2, xã Trung Bình	3	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.
107	TĐ13	13	Sông Đĩnh		Sông Bãi Xảo	Sông Saintard	Phải	1	1058113	554264	1058512	554440	0,6	a, b	20 m	Xã Tài Văn	3	Là trục tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung.	Tập trung dân cư
Tổng chiều dài các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng:											975,6								

Ghi chú:

Chức năng của hành lang bảo vệ nguồn nước:

- Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước.
- Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước.
- Bảo vệ, bảo tồn và phát triển hệ sinh thái thủy sinh, các loài động, thực vật tự nhiên ven nguồn nước.
- Tạo không gian cho các hoạt động văn hóa, thể thao, vui chơi, giải trí, bảo tồn và phát triển các giá trị về lịch sử, văn hóa, du lịch, tín ngưỡng liên quan đến nguồn nước.